TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ PƯH
TỈNH GIA LAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 25/2022/DS-ST
Ngày: 22-7-2022
"*V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH G

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tiến Sỹ.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Nguyễn Thái Thạnh,
2. Siu Thun Phrâo.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đinh Thị Thùy-Thư ký Toà án nhân dân huyện C, tỉnh G.

Ngày 22 tháng 7 năm 2022, tại Hội trường xét xử của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 100/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2022 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2022/QĐXX-ST ngày 28 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Trần Thị Bích D. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn H, thị trấn N, Chư Pưh, Gia Lai.

2. Bị đơn: bà Lương Thị M. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn Plei D, thị trấn N, huyện C, tỉnh G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là bà D trình bày:

Vào các ngày 15/4/2019 và ngày 08/5/2019, bà M có vay tiền của tôi hai lần, tổng số tiền vay là 280.000.000 đồng, lãi thỏa thuận là 2000đ/ngày. Bà M hẹn đến ngày 10/5/2022 trả cho tôi cả gốc và lãi, tôi đã nhiều lần yêu cầu bà M trả nợ nhưng bà M không trả nợ gốc và lãi cho tôi theo thỏa thuận.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bà M có nghĩa vụ trả cho tôi số tiền nợ gốc là 280.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả kể từ ngày 11/5/2019 đến thời điểm xét xử sơ thẩm, với mức lãi

suất là 1,66%/tháng, tính đến ngày 22/7/2022 là 176.624.000 đồng. Tổng cộng là 456.624.000 đồng.

Sự việc vay mượn tiền giữa tôi với bà M không liên quan gì đến chồng của tôi là ông Đặng Văn V, tôi đề nghị Tòa án không đưa chồng của tôi tham gia tố tụng trong vụ án này.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà M trình bày:

Bà M thừa nhận có vay và còn nợ của bà D 280.000.000 đồng như bà D trình bày. Hiện tại, bà M chưa có điều kiện để trả nợ cho bà D vì lý do số tiền vay bà D là bà đi vay giùm cho người khác, đến nay bà cũng chưa lấy được nợ. Bà M đồng ý trả số tiền nợ gốc 280.000.000 đồng cho bà D, đối với yêu cầu về trả tiền lãi của bà D thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 09/5/2022, nguyên đơn có đơn khởi kiện. Xét hình thức, nội dung đơn khởi kiện đảm bảo, bị đơn có nơi cư trú tại thôn Plei J, thị trấn N, huyện C, tỉnh G. Căn cứ các quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh G.

[2] Xét thời hiệu khởi kiện: Do các bên đương sự không có yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu, nên miễn xét.

[3] Xét điều kiện có hiệu lực của giấy mượn tiền.

Bà Lương Thị M viết giấy mượn tiền có nội dung: ngày 25/4/2019 Lương Thị M, có mượn bà Trần Thị Bích D 200.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 2000/ngày (các bên thừa nhận và giải thích là 2000đ/triệu/ngày), thời hạn vay từ ngày 25/4/2019 đến ngày 10/5/2019. Ngày 08/5/2019 Lương Thị M, có mượn bà Trần Thị Bích D 80.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 2000/ngày (các bên thừa nhận và giải thích là 2000đ/triệu/ngày), thời hạn vay từ ngày 08/5/2019 đến ngày 10/5/2019. Bà M đã nhận đủ tiền và cam kết sẽ trả đủ số tiền gốc và lãi đúng thời hạn. Xét các bên tham gia giao kết hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với pháp luật nên có giá trị pháp lý. Xét cả hai bên khi tham gia giao dịch đều có năng lực hành vi dân sự; mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; các bên tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện; hình thức giao dịch được lập thành văn bản. Do đó giấy mượn tiền có hiệu lực thi hành kể từ ngày các bên xác lập và không bị vô hiệu.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là bà D, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà M có nghĩa vụ trả cho bà D số tiền nợ gốc là 280.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả kể từ ngày 11/5/2019 đến thời điểm xét xử sơ thẩm, với mức lãi suất là 1,66%/tháng, tính đến ngày 22/7/2022 là 176.624.000 đồng. Tổng cộng là 456.624.000 đồng.

Hội đồng xét xử thấy rằng: việc bà M có vay và còn nợ của bà D 280.000.000 đồng là có thật, sự việc này đã được các bên đương sự thừa nhận. Tuy nhiên, khi đến thời hạn trả nợ là ngày 10/5/2019, bà M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết. Việc bà M và bà D vay, mượn tiền không liên quan đến chồng của bà D, sự việc này đã được các bên thừa nhận. Do đó, Tòa án không đưa chồng của bà D vào tham gia tố tụng trong vụ án này.

Do bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn theo như cam kết tại giấy mượn tiền, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là bà M phải có nghĩa vụ trả cho bà D số tiền nợ gốc là 280.000.000 đồng.

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tiền lãi chậm trả tính từ ngày 11/5/2019 đến thời điểm xét xử sơ thẩm (được làm tròn là 38 tháng), với mức lãi suất là 20%/năm (1,66%/tháng), thành tiền là 176.624.000 đồng. Xét yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự, nên được chấp nhận.

Do đó, căn cứ vào các Điều 463; 466; 468; 470 của Bộ luật dân sự. Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là bà M phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là bà D số tiền 456.624.000 đồng; trong đó nợ gốc là 280.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 11/5/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (được làm tròn 38 tháng), với mức lãi suất là 20%/năm (1,66%/tháng), thành tiền là 176.624.000 đồng.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn là bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, 144, 147, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463; 466; 468; 470 của Bộ luật dân sự;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Trần Thị Bích D.

1. Buộc bị đơn là bà Lương Thị M phải có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Bích D số tiền 456.624.000 đồng; trong đó nợ gốc là 280.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 11/5/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, với mức lãi suất là 20%/năm (1,66%/tháng), thành tiền là 176.624.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 03/2022/QĐ-BPKCTT ngày 15-7-2022 của Tòa án nhân dân huyện Chư Pưh về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ.

3. Về án phí:

Buộc bị đơn là bà M phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 22.264.960 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Hoàn trả cho nguyên đơn là bà D số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 10.947.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001035 ngày 16/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh G.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Võ Tiến Sỹ

Nơi nhận:
- Các đương sự (02 bản);
- VKSND huyện Chư Pưh (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Chư Pưh (01 bản);
- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai (01 bản);
- Lưu hồ sơ vụ án (01 bản);
- Lưu VT (01 bản).